

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nhật Thủy và bà Phạm Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Lã Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2022/TLST-HNGĐ ngày 07-7-2022 về *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐST - HNGĐ ngày 31-8-2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trần Hoàng Y, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ 6, khu T, phường N, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29-6-2022 và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn, chị Trần Hoàng Y đều trình bày:

Tôi (Trần Hoàng Y) tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục và chung sống với anh Bùi Văn T vào năm 2014 tuy nhiên đến ngày 11-11-2015 chúng tôi mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chúng tôi chung sống cùng mẹ đẻ của tôi là bà Đặng Thị H tại địa chỉ tổ 6, khu T, phường N, thành phố Uông Bí. Quá trình vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng tôi đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Quá trình sống ly thân, mỗi người sống một nơi không ai quan tâm đến ai (tôi cùng con gái là Bùi Hà L vẫn sống cùng mẹ đẻ tôi tại tổ 6, khu T, phường N còn anh Bùi Văn T về thôn T, xã H,

thị xã Đông Triều sinh sống). Nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu không còn tình cảm, tôi đề nghị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Bùi Hà L, sinh ngày 31-3-2014 Quan điểm của tôi khi ly hôn tôi có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Bùi Hà L, tôi không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung, không vay nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 31-8-2022 của bị đơn anh Bùi Văn T trình bày có nội dung: Tôi (Bùi Văn T) đã nhận được thông báo thụ lý vụ án số 80/TB-TLVA ngày 07-7-2022 và giấy triệu tập của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí nhưng vì lý do công việc tôi ít khi về thăm gia đình nên tôi không thể trực tiếp có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để giải quyết vụ án được. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt tôi theo quy định của pháp luật. Nếu được, quan điểm của tôi như sau: về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung tôi đồng ý với quan điểm của chị Trần Hoàng Y thể hiện trong đơn.

Tại biên bản xác minh ngày 10-8-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh - bà Đặng Thị H (là mẹ đẻ của chị Trần Hoàng Y) - Địa chỉ: Tổ 6, khu T, phường N cung cấp sự việc: Chị Trần Hoàng Y là con đẻ của tôi còn anh Bùi Văn T là con rể của tôi. Chị Y và anh T tổ chức cưới theo phong tục vào năm 2014 tuy nhiên đến năm 2015 mới đi đăng ký kết hôn. Chị Y và anh T chung sống cùng tôi tại địa chỉ tổ 6, khu T, phường N, thành phố Uông Bí tuy nhiên anh T không chuyển khẩu về đây. Đến khoảng năm 2016, chị Y và anh T xảy ra mâu thuẫn, năm 2017 thì sống ly thân. Nguyên nhân theo tôi được biết là do bất đồng quan điểm sống hay xảy ra cãi nhau. Nay, chị Y đề nghị ly hôn anh T tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống chị Y và anh T có 01 con chung là Bùi Hà L, sinh năm 2014. Tôi đề nghị Tòa án giao con chung của chị Y và anh T cho chị Y nuôi dưỡng vì từ khi sống ly thân cho đến nay cháu L vẫn ở với mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 10-8-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh - ông Phạm Hữu L - Khu trưởng khu T, phường N, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cung cấp sự việc: Chị Trần Hoàng Y và anh Bùi Văn T kết hôn năm 2015. Chị Y đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 6, khu T, phường N. Anh T có về chung sống với chị Y tại tổ 6, khu T nhưng không chuyển hộ khẩu về địa chỉ này. Chị Y và anh T chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016, 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2017 cho đến nay chị Y sống cùng con gái tại tổ 6, khu T, phường N còn anh T không sinh sống tại địa chỉ này nữa. Theo tôi được biết do mâu thuẫn vợ chồng nên chị Y và anh T đã sống ly thân. Nay, chị Y xin được ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai đối với cháu Bùi Hà L ngày 19-7-2022 tại trụ sở TAND thành phố Uông Bí, cháu L có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Trần Hoàng Y nếu chị Y và anh T ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*Việc tuân theo pháp luật tổ tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng các thủ tục tố tụng khác theo quy định.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS.

Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

* Về việc giải quyết vụ án hôn nhân gia đình: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y.

Về con chung là cháu Bùi Hà L, sinh ngày 31-3-2014. Theo nguyện vọng của chị Y và cháu L, giao con chung cho chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Hoàng Y khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Bùi Văn T và cung cấp các tài liệu làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án theo quy định. Chị Trần Hoàng Y cư trú tại tổ 6, khu T, phường N, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Bị đơn anh Bùi Văn T cư trú tại thôn T, xã H, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Chị Y và anh T có đơn thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí (Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn) để giải quyết việc ly hôn của chị Y và anh T. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Y và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Y và anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh T kết hôn từ năm 2015 cho đến nay là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy, để cuộc sống vợ

chồng hôn nhân tồn tại, mục đích hôn nhân đạt được thì phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng của hai bên vợ chồng, tình cảm phải trên cơ sở tự nguyện từ hai phía, phải thương yêu, quý trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ và tin tưởng nhau cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, chị Y và anh T phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hay xảy ra cãi nhau. Chị Y và anh T đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh T đã trầm trọng, đòi sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị Y gửi đơn xin ly hôn anh T đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng: Chị Y và anh T có 01 con chung là Bùi Hà L, sinh ngày 31-3-2014. Quan điểm của chị Y khi ly hôn có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung

Như vậy, Hội đồng xét xử xem xét giao con chung Bùi Hà L, sinh ngày 31-3-2014 cho chị Y được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung và khoản vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí dân sự tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Hoàng Y về việc xin ly hôn anh Bùi Văn T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Hoàng Y được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Hà L, sinh ngày 31-3-2014 cho chị Trần Hoàng Y trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau ly hôn, đương sự không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đồng thời, đương sự không trực tiếp nuôi dưỡng con chung không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Trần Hoàng Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Y đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006870 ngày 07-7-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn chị Trần Hoàng Y, bị đơn anh Bùi Văn T, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Uông Bí;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Uông Bí;
- UBND xã H, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh (Nơi ĐKKH).
- Các đương sự;
- Niêm yết tại trụ sở cơ quan Tòa án; nơi cư trú (trường hợp cần niêm yết theo quy định).
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đồng

